TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/DS-PT
Ngày 14/01/2026.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Triều
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Trâm Anh
Ông Võ Văn Lịnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trương Văn Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 359/2025/QĐXX-PT, ngày 07/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N.

Địa chỉ: đường T, phường M, quận N, TP. Hà Nội (nay là đường L, phường G, TP. Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Trần Nhật L, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh B Kiên Giang II (theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo – PC ngày 01/12/2022).

Người được ủy quyền lại: Ông Trịnh Hoàng G, sinh năm 1978; Chức danh: Phó giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh B Kiên Giang II. (Theo Giấy uỷ quyền số 51/ NHNoKGII –UQTT ngày 01/12/2025 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Đào Ngọc B, sinh năm 1984 (vắng mặt) và ông Võ Thanh T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường B, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đào Ngọc B, ông Võ Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2024; trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:**

Ngày 06/06/2023, Ngân hàng N - chi nhánh B Kiên Giang II có ký kết hợp đồng tín dụng với ông Võ Thanh T và bà Đào Ngọc B Hợp đồng tín dụng số: 7714LAV202300630, vay số tiền gốc: 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng); Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 06/06/2023 đến ngày 05/06/2024, lãi suất trong hạn 12%/năm kể từ ngày ký đến hết ngày 05/06/2024, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm. Hình thức giải ngân: chuyển khoản; Mục đích vay: Chi phí chuyến biển. Định kỳ trả nợ: Trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 05, trả gốc vào cuối kỳ hạn vay.

Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp

1. Hợp đồng thế chấp tài sản số 7714LC2021-00505 ngày 04/06/2021 được công chứng tại Văn phòng công chứng A và có đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận.

Tài sản thế chấp:

+ Tàu cá KG - 91936 - TS. Đóng năm 2006

Chiều dài: Lmax,m: 21.25m; Ltk,m: 18.06m; Chiều rộng: Bmax,m: 5.51m; Btk,m: 5.51m. Chiều cao mạn D: 3.19m; Chiều chìm d,m: ;. Vật liệu vỏ: Gỗ; Sức chở tối đa 72.91 tấn; Ký hiệu máy HINO V26C. Số máy A 10710; Công suất máy chính 336; nơi chế tạo Nhật.

+ Tàu cá KG-91814 - TS. Đóng năm 2007

Chiều dài: Lmax,m: 18.80m; Ltk,m: 15.75m; Chiều rộng: Bmax,m: 4.72m; Btk,m: 4.72m. Chiều cao mạn D: 2.24m; Chiều chìm d,m: ; Vật liệu vỏ: Gỗ; Sức chở tối đa 38.25 tấn; Ký hiệu máy CUMMINS KTA-19. Số máy 31115824; Công suất máy chính 373; nơi chế tạo Mỹ.

+ Tàu cá KG - 91265 - TS. Đóng năm 1999

Chiều dài: Lmax,m: 20.49m; Ltk,m: 18.00m; Chiều rộng: Bmax,m: 6.05m; Btk,m: 6.05m. Chiều cao mạn D: 2.58m; Chiều chim d,m: ; Vật liệu vỏ: Gỗ; Sức chở tối đa 64.53 tấn; Ký hiệu máy CUMMINS QSK19. Số máy 37185103; Công suất máy chính 559; nơi chế tạo Mỹ.

Các tài sản trên do ông Võ Thanh T đứng tên chủ sở hữu.

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7714LCL 2021-00504 ngày 04/06/2021 được công chứng tại Văn phòng công chứng A và có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố R ngày 07/06/2021.

Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CE 498012, số vào sổ cấp giấy CS22718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/10/2016; Diện tích đất thế chấp: 110.00m²; Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở: Nhà phố thương mại.

Diện tích xây dựng: 75 m². Diện tích sàn: 225,68 m²; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp (hạng): Cấp 2.

Tài sản do ông Võ Thanh T đứng tên chủ sở hữu.

Ông T, bà B trả được tiền lãi đúng hạn đến ngày 15/06/2024. Tổng số tiền ông bà đã đóng lãi được cho Ngân hàng là 823.342.468 đồng.

Trong quá trình vay vốn đến ngày 16/06/2024 ông T, bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng N. Do vậy, nay Ngân hàng yêu cầu ông T, bà B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/08/2025 là 9.243.068.493 đồng (Chín tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng). (Trong đó: tiền gốc 8.000.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn 789.150.685 đồng, tiền lãi quá hạn 453.917.808 đồng).

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông T, bà B tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh từ ngày 16/08/2025 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Trường hợp nếu ông T, bà B thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán số tiền còn nợ cho ngân hàng.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Thanh T và bà Đào Ngọc B đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.**

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A - An Giang đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Võ Thanh T và bà Đào Ngọc B.

Buộc ông Võ Thanh T và bà Đào Ngọc B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/08/2025 là 9.243.068.493 đồng (Chín tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng). (Trong đó: tiền gốc 8.000.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn 789.150.685 đồng, tiền lãi quá hạn 453.917.808 đồng).

Kể từ ngày 16/08/2025, ông T và bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu phía bị đơn ông T, bà B không thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh An Giang thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm theo các hợp đồng:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản số 7714LC2021-00505 ngày 04/06/2021 được công chứng tại Văn phòng công chứng A và có đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận.

Tài sản thế chấp:

+ Tàu cá KG - 91936 - TS. Đóng năm 2006 Chiều dài: Lmax,m: 21.25m; Ltk,m: 18.06m; Chiều rộng: Bmax,m: 5.51m; Btk,m: 5.51m. Chiều cao mạn D: 3.19m; Chiều chìm d,m: ;. Vật liệu vỏ: Gỗ; Sức chở tối đa 72.91 tấn; Ký hiệu máy HINO V26C. Số máy A 10710; Công suất máy chính 336; nơi chế tạo Nhật.

+ Tàu cá KG-91814 - TS. Đóng năm 2007 Chiều dài: Lmax,m: 18.80m; Ltk,m: 15.75m; Chiều rộng: Bmax,m: 4.72m; Btk,m: 4.72m. Chiều cao mạn D: 2.24m; Chiều chìm d,m: ; Vật liệu vỏ: Gỗ; Sức chở tối đa 38.25 tấn; Ký hiệu máy CUMMINS KTA-19. Số máy 31115824; Công suất máy chính 373; nơi chế tạo Mỹ.

+ Tàu cá KG - 91265 - TS. Đóng năm 1999 Chiều dài: Lmax,m: 20.49m; Ltk,m: 18.00m; Chiều rộng: Bmax,m: 6.05m; Btk,m: 6.05m. Chiều cao mạn D: 2.58m; Chiều chim d,m: ; Vật liệu vỏ: Gỗ; Sức chở tối đa 64.53 tấn; Ký hiệu máy CUMMINS QSK19. Số máy 37185103; Công suất máy chính 559; nơi chế tạo Mỹ.

Các tài sản trên do ông Võ Thanh T đứng tên chủ sở hữu.

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7714LCL 2021-00504 ngày 04/06/2021 được công chứng tại Văn phòng công chứng A và có đăng ký thế chấp tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R ngày 07/06/2021.

Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CE 498012, số vào sổ cấp giấy CS22718 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/10/2016; Diện tích đất thế chấp: 110.00 m²; Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở: Nhà phố thương mại

Diện tích xây dựng: 75 m². Diện tích sàn: 225,68 m²; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp (hạng): Cấp 2

Tài sản do ông Võ Thanh T đứng tên chủ sở hữu để thu hồi nợ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, bị đơn ông Võ Thanh T, bà Đào Ngọc B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Tiền lãi trong hạn 789.150.685 đồng, lãi quá hạn 453.914.808 đồng, tổng cộng 1.243.068.493 đồng theo Bản án sơ thẩm là quá cao, đề nghị cấp phúc thẩm giảm tiền lãi cho vợ chồng ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Nguyên đơn Ngân hàng N do ông Trịnh Hoàng G đại diện trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T bà B thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/08/2025 là 9.243.068.493 đồng (Chín tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng). (Trong đó: tiền gốc 8.000.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn 789.150.685 đồng, tiền lãi quá hạn 453.917.808 đồng). Đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bị đơn.

- Bị đơn ông T, bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại cấp phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 15/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực A – An Giang;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đào Ngọc B, ông Võ Thanh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà nhưng bà B, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện nguyên đơn ông Trịnh Hoàng G thống nhất xét xử vắng mặt những người này và sự vắng mặt của họ không cản trở việc xét xử nên Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt những người này theo quy định.

[2]. Về nội dung: Vào ngày 06/06/2023, giữa Ngân hàng N - chi nhánh B Kiên Giang II và ông Võ Thanh T và bà Đào Ngọc B có ký kết với nhau Hợp đồng tín dụng số: 7714LAV202300630, theo hợp đồng ông T bà B vay số tiền gốc: 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng); Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 06/06/2023 đến ngày 05/06/2024, lãi suất trong hạn 12%/năm kể từ ngày ký đến hết ngày 05/06/2024, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm. Hình thức giải ngân: chuyển khoản; Mục đích vay: Chi phí

chuyển biển. Định kỳ trả nợ: Trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 05, trả gốc vào cuối kỳ hạn vay.

Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp.

Quá trình vay vốn, ông T, bà Ngọc chỉ trả được tiền lãi đến ngày 15/06/2024 là 823.342.468 đồng, chưa thanh toán tiền vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Ngày 16/12/2024 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà B thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/08/2025 là 9.243.068.493 đồng (Chín tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng). (Trong đó: tiền gốc 8.000.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn 789.150.685 đồng, tiền lãi quá hạn 453.917.808 đồng).

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh T, bà Đào Ngọc B yêu cầu xem xét lại tiền lãi mà Bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn, HĐXX nhận thấy:

Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn Ngân hàng N với bị đơn ông T, bà B đối với Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202300630 ngày 06/06/2023 được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội; Do đó, giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp, ông T, bà B đã được nhận đủ tiền vay theo hợp đồng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà B chỉ trả được tiền lãi đến ngày 15/06/2024 là 823.342.468 đồng thì không thanh toán nữa khi đến kỳ hạn trả gốc, lãi là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập, ông T bà B vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến. Tuy nhiên tại Biên bản làm việc ngày 24/5/2024 và Biên bản xử lý nợ quá hạn lần 2 ngày 16/12/2024 của Ngân hàng N - chi nhánh B Kiên Giang II làm việc với ông Võ Thanh T, ông T cam kết đến ngày 18/12/2024 sẽ thanh toán hết nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Đồng thời ông T, bà B cũng đã thanh toán số tiền lãi do Ngân hàng thu đến ngày 15/6/2024 là 823.342.000 đồng mà không có ý kiến hay phản đối gì về tiền lãi, thể hiện ý chí thống nhất số nợ theo hợp đồng.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202300630 ngày 06/6/2023 thể hiện lãi suất cho vay là 12% năm, phương pháp áp dụng lãi suất: lãi suất biến đổi và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh bằng tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng N chi nhánh Kiên Giang II công bố cộng phí cố định 4%/năm (đối với cho vay ngắn hạn); 6%/năm (đối với cho vay trung, dài hạn) không thấp hơn lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng N chi nhánh Kiên Giang II tại thời điểm tính lãi suất. Xét thấy, việc Ngân

hàng tính lãi trong hạn, quá hạn mà ông T bà B phải trả tổng số tiền 9.243.068.493 đồng tiền gốc 8.000.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn 789.150.685 đồng, tiền lãi quá hạn 453.917.808 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm ông T, bà B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ.

Các vấn đề khác của Bản án sơ thẩm tuyên, các đương sự không kháng cáo nên miễn xét.

[4]. Trên cơ sở các phân tích nêu trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX thống nhất không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đào Ngọc B, ông Võ Thanh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A - An Giang.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Võ Thanh T, bà Đào Ngọc B phải nộp án phí 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002163 ngày 18/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng các Điều: 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 298, Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đào Ngọc B, ông Võ Thanh T;

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A - An Giang.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Võ Thanh T và bà Đào Ngọc B.

Buộc ông Võ Thanh T và bà Đào Ngọc B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/08/2025 là 9.243.068.493 đồng *(Chín tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).* (Trong đó tiền gốc 8.000.000.000

đồng; Tiền lãi trong hạn 789.150.685 đồng, tiền lãi quá hạn 453.917.808 đồng).

Kể từ ngày 16/08/2025, ông T và bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu phía bị đơn ông T, bà B không thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh An Giang thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm theo các hợp đồng:

1.1. Hợp đồng thế chấp tài sản số 7714LC2021-00505 ngày 04/06/2021 được công chứng tại Văn phòng công chứng A và có đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận.

Tài sản thế chấp:

+ Tàu cá KG - 91936 - TS. Đóng năm 2006

Chiều dài: Lmax,m: 21.25m; Ltk,m: 18.06m; Chiều rộng: Bmax,m: 5.51m; Btk,m: 5.51m. Chiều cao mạn D: 3.19m; Chiều chìm d,m: ;. Vật liệu vỏ: Gỗ; Sức chở tối đa 72.91 tấn; Ký hiệu máy HINO V26C. Số máy A 10710; Công suất máy chính 336; nơi chế tạo Nhật.

+ Tàu cá KG-91814 - TS. Đóng năm 2007

Chiều dài: Lmax,m: 18.80m; Ltk,m: 15.75m; Chiều rộng: Bmax,m: 4.72m; Btk,m: 4.72m. Chiều cao mạn D: 2.24m; Chiều chìm d,m: ; Vật liệu vỏ: Gỗ; Sức chở tối đa 38.25 tấn; Ký hiệu máy CUMMINS KTA-19. Số máy 31115824; Công suất máy chính 373; nơi chế tạo Mỹ.

+ Tàu cá KG - 91265 - TS. Đóng năm 1999

Chiều dài: Lmax,m: 20.49m; Ltk,m: 18.00m; Chiều rộng: Bmax,m: 6.05m; Btk,m: 6.05m. Chiều cao mạn D: 2.58m; Chiều chim d,m: ; Vật liệu vỏ: Gỗ; Sức chở tối đa 64.53 tấn; Ký hiệu máy CUMMINS QSK19. Số máy 37185103; Công suất máy chính 559; nơi chế tạo Mỹ.

Các tài sản trên do ông Võ Thanh T đứng tên chủ sở hữu.

1.2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7714LCL 2021-00504 ngày 04/06/2021 được công chứng tại Văn phòng công chứng A và có đăng ký thế chấp tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R ngày 07/06/2021.

Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CE 498012, số vào sổ cấp giấy CS22718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/10/2016; Diện tích đất thế chấp: 110.00 m²; Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở: Nhà phố thương mại

Diện tích xây dựng: 75 m². Diện tích sàn: 225,68 m²; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp (hạng): Cấp 2

Tài sản do ông Võ Thanh T đứng tên chủ sở hữu để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Võ Thanh T và bà Đào Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả là 117.243.068 đồng (Một trăm mười bảy triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn không trăm sáu mươi tám đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.440.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0008118 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A – An Giang).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Võ Thanh T, bà Đào Ngọc B phải nộp án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số theo biên lai số 0002163 ngày 18/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh AG;
- TAND Khu vực A - AG;
- Phòng THADS Khu vực A - AG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Triều